

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Báo Nông thôn ngày nay, Báo Kinh tế nông thôn để tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, kế hoạch thực hiện Chương trình; tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương, tâm tư nguyện vọng của người dân, tuyên truyền về các mô hình, các cá nhân, tập thể điển hình trong xây dựng nông thôn mới;

Thông qua Đài truyền thanh xã, lồng ghép vào các buổi hội nghị, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, các buổi sinh hoạt khu dân cư, các địa phương cơ sở cũng tổ chức tuyên truyền vận động về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và mỗi người dân về xây dựng nông thôn mới.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn, cụ thể:

a) Về Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi được kiện toàn tại Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với 50 thành viên. Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh; Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - Tài nguyên làm Phó Trưởng Ban Thường trực, phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020; Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội làm Phó Trưởng Ban Thường trực, phụ trách Chương trình mục tiêu

quốc gia giảm nghèo bền vững; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016 – 2020; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có liên quan

Cấp huyện: UBND các huyện thành phố tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo. Đến nay cấp huyện 3/14 huyện, thành phố chưa thành lập Ban Chỉ đạo chung cho 2 Chương trình MTQG, vẫn giữ nguyên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (huyện Tư Nghĩa, huyện Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi)

b) Về Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh ổn định cơ cấu tổ chức, đáp ứng nhu cầu tham mưu giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện thường xuyên được củng cố kiện toàn với 14 Chánh Văn phòng, 14 phó Chánh Văn phòng và mỗi huyện từ 1 - 2 cán bộ Chuyên trách nông thôn mới, tuy nhiên hiện nay một số huyện thiếu cán bộ chuyên trách nông thôn mới do cán bộ chuyên trách hợp đồng nghỉ việc.

- Cấp xã: Theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Mỗi xã bố trí một công chức chuyên trách về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên trên thực tế xã chưa có công chức phụ trách nông nghiệp và phụ thuộc vào điều kiện của mỗi xã, công tác theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện Chương trình tại xã có thể do công chức kế toán, văn phòng hoặc địa chính đảm nhận.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Trên cơ sở văn bản của Trung ương, 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung: Đảm bảo hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 ngay trong năm 2019 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; xã nông thôn mới nâng cao; Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu; tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp Trung ương cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình

a) Kết quả đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình ở các cấp.

Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và địa phương hiện nay đang chuẩn bị các nội dung để triển khai thực hiện tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ và nhân dân về xây dựng nông thôn mới.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Mặt được: Công tác tập huấn, bồi dưỡng đã được các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện.

- Tồn tại, hạn chế: Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức việc tổ chức đào tạo, tập huấn có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, ít hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả chung

Có 100% số xã (164 xã) hoàn thành Quy hoạch chung và có đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã.

b) Về rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường trong đề án quy hoạch xã nông thôn mới: Hiện UBND các huyện, thành phố đang chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg.

c) Đánh giá chung về kết quả thực hiện.

* Mặt được:

Các huyện, thành phố đã chỉ đạo các xã triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Sau quy hoạch các xã đã kịp thời tổ chức công bố quy hoạch, niêm yết công khai bản vẽ quy hoạch cho mọi người dân biết và thực hiện. Một số xã đã tổ chức thực hiện quy chế quản lý theo quy hoạch được duyệt, cấm mốc chỉ giới cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch.

* Tồn tại hạn chế:

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chậm so với yêu cầu; chất lượng quy hoạch còn nhiều hạn chế, chủ yếu tập trung vào quy hoạch phát triển hạ tầng với mong muốn được đầu tư, chưa xem xét, cân nhắc đến nguồn lực thực hiện và tính khả thi của quy hoạch.

- Quy hoạch phát triển sản xuất mang tính chung chung, chưa làm rõ thế mạnh của mỗi địa phương, chưa định hướng phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và ít khả thi.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ hạ tầng:

- Từ nguồn vốn đầu tư của Chương trình xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019 (*vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh*), UBND tỉnh đã phân bổ:

+ Trả nợ các công trình đầu tư năm 2018 còn thiếu vốn: 146 tuyến đường, 87 tuyến kênh, 17 nhà văn hóa xã, 18 nhà văn hóa thôn, 28 trường học, 1 cầu, 2 nghĩa trang, điện 4, xử lý rác: 1, UBND xã: 1

+ Triển khai đầu tư mới 396 công trình: 182 giao thông, 81 thủy lợi; 48 trường học; 68 cơ sở vật chất văn hóa; 6 nghĩa trang; 3 công trình điện; 1 công trình môi trường, UBND xã: 1, trạm y tế: 1, chợ: 2, hệ thống nước sinh hoạt: 3.

+ Hoàn trả ứng trước kế hoạch vốn năm 2019 để thực hiện kế hoạch năm 2018: 50.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới: 20.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ huyện Sơn Tịnh để đầu tư Cầu qua kênh chính Bắc xã Tịnh Đông: 5.000 triệu đồng.

+ Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: 15.000 triệu đồng

+ Hỗ trợ xi măng năm 2019: 30.000 triệu đồng

+ Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 42.700 triệu đồng.

b) Tổng vốn huy động xây dựng cơ sở hạ tầng

Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh đầu tư trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019: 739.562 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 543.000 triệu đồng, đã đầu tư:

- Giao thông: 150.983,87 triệu đồng

- Thủy lợi: 76.146,75 triệu đồng

- Trường học: 92.154,38 triệu đồng

- Cơ sở vật chất văn hóa: 48.060 triệu đồng

- Nghĩa trang: 2.880 triệu đồng
- Điện: 4.100 triệu đồng
- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 1.850 triệu đồng
- Xử lý rác thải: 800 triệu đồng
- UBND xã: 830 triệu đồng
- Trạm y tế: 310 triệu đồng
- Hệ thống nước sinh hoạt: 2.000 triệu đồng
- Cảnh quan môi trường: 185 triệu đồng
- Hoàn trả ứng trước kế hoạch vốn năm 2019 để thực hiện kế hoạch 2018: 50.000 triệu đồng
- Hỗ trợ huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới: 20.000 triệu đồng
- Hỗ trợ huyện Sơn Tịnh để đầu tư Cầu qua kênh chính Bắc xã Tịnh Đông: 5.000 triệu đồng
- Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: 15.000 triệu đồng
- Hỗ trợ xi măng năm 2019: 30.000 triệu đồng
- Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 42.700 triệu đồng

c) Đánh giá chung về thực hiện nhóm tiêu chí cơ sở hạ tầng

Nhóm 8 tiêu chí hạ tầng kinh tế xã hội (giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư), chiếm gần 90% tổng vốn đầu tư nhưng mức độ đạt tiêu chí nhóm này đến nay nhìn chung còn khá thấp: Giao thông: 83 xã, Thủy lợi: 121 xã, Điện 157 xã, Trường học: 83 xã, Cơ sở vật chất văn hóa: 81 xã, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 151 xã, Thông tin và truyền thông: 149 xã, Nhà ở dân cư: 125 xã.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Vụ đông xuân 2018 – 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai xây dựng được 91 cánh đồng lớn với tổng diện tích 1.612,5 ha (trong đó chủ yếu cánh đồng lớn trong sản xuất lúa 87 cánh đồng diện tích 1.411,5ha). Hình thức chăn nuôi chuyên dịch theo hướng tích cực, từ chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ sang chăn nuôi nông gia trại, trang trại. 6 tháng đầu năm 2019 giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 7.723,25 tỷ đồng, đạt 48,56% kế hoạch

năm, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước (nông nghiệp tăng 2%, lâm nghiệp tăng 6,7% và thủy sản tăng 5,8%).

- Về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, tỉnh thực hiện Chương trình năm 2019, UBND tỉnh đã phân bổ 89.600 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với 164 xã. Các mô hình dự án chủ yếu là mô hình chăn nuôi: bò lai sinh sản, hươu lấy nhung, gà an toàn sinh học, heo bản địa, dê ... và trồng trọt: trồng chuối, trồng cam, cau, hành ...

- Về hình thức tổ chức sản xuất:

Khu vực kinh tế tập thể ở nông thôn có những chuyển biến tích cực: Thành lập mới 2 HTX, giải thể 1 HTX. Tính đến nay toàn tỉnh có: 186 HTXNN, gồm: 14 HTX trồng trọt, 01 HTX chăn nuôi, 02 HTX diêm nghiệp, 16 HTX nuôi trồng và khai thác thủy sản và 153 tổng hợp. Trong 186 HTXNN có: 178 HTX hoạt động và 8 HTX ngừng hoạt động chờ giải thể. Hoạt động của Hợp tác xã được mở rộng với nhiều dịch vụ hơn, góp phần hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ ở nông thôn phát triển, nâng cao thu nhập góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Về phát triển ngành nghề nông thôn:

Toàn tỉnh có khoảng 9.917 cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn, bao gồm: 138 doanh nghiệp, 47 Hợp tác xã, Tổ hợp tác và 9.602 cơ sở sản xuất ở quy mô hộ gia đình nằm phân tán, rải rác trong các khu dân cư, xóm, thôn, xã trên địa bàn tỉnh, giải quyết việc làm cho khoảng trên 16.000 lao động ở nông thôn, doanh thu ước đạt trên 2.573 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 3.5 – 4.5 triệu đồng/người/tháng.

UBND tỉnh đã công nhận: 01 làng nghề, 5 làng nghề truyền thống và 07 nghề truyền thống. Trong các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận có khoảng 623 cơ sở hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 2.500 lao động, doanh thu ước đạt hơn 160 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 4-4,5 triệu đồng/người/tháng.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Chương trình mục tiêu quốc gia về lao động, việc làm đã góp phần đáng kể trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Đào tạo nghề nông nghiệp với các nghề như: Trồng và khai thác rừng, trồng rau an toàn, sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, chăn nuôi gia súc gia cầm; kỹ thuật sơ chế bảo quản hoa màu, trồng nấm các loại và phòng chống dịch gia súc gia cầm. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề đạt tỷ lệ đạt 86%.

Nhiều hộ gia đình ở nông thôn có người lao động học nghề đã tự tạo được việc làm, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống;. Một số lao động sau khi học

nghề đã huy động sự tham gia của các thành viên khác, thu hút lao động ở địa phương lập tổ sản xuất, giải quyết việc làm ở nông thôn, tăng thu nhập.

Đến cuối năm 2018 có 81 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, 144 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm, 115 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

- Khó khăn:

Hiện nay tổ chức sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn theo quy mô hộ, diện tích sản xuất ít, manh mún, tư liệu sản xuất không đáng kể, sản phẩm hàng hóa ít và khó giữ được vùng nguyên liệu, do đó khó khăn trong việc xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng để nâng cao thu nhập cho người dân.

Vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến phát triển chưa ổn định, thiếu bền vững. Sản phẩm hàng hoá chưa nhiều; chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp.

HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012, tuy nhiên hiệu quả chưa cao, chưa năng động trong phát triển kinh doanh, hạn chế trong việc tiếp cận thị trường; các mối liên kết sản xuất giữa HTX, nông hộ và các doanh nghiệp đã hình thành song chưa nhiều và chỉ mang tính mô hình, thiếu bền vững.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Về kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo: Đầu năm 2018, trên địa bàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo có 39.127 hộ, tỷ lệ 11,16%, đến cuối năm 2018 hộ nghèo giảm xuống còn 33.381 hộ, tỷ lệ 9,39% (giảm 1,77% tương đương giảm 5.486 hộ nghèo) vượt kế hoạch giao (kế hoạch 1,59%). Trong đó, hộ nghèo đầu năm của 06 huyện miền núi có 22.697 hộ, tỷ lệ 36,97%, đến cuối năm giảm xuống còn 19.633 hộ, tỷ lệ 31,44% (giảm 5,53% tương đương giảm 2.976 hộ nghèo), vượt kế hoạch giao (kế hoạch 5,47%).

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn:

Công tác đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Đã huy động các nguồn lực xã hội cùng với nhà nước chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công; giải quyết nhiều tồn đọng về chính sách người có công, đặc biệt là người tham gia hoạt động bí mật, lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong trong các thời kỳ cách mạng và kháng chiến. Đến nay, toàn tỉnh đã có 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đã được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng đến cuối đời; 90% gia đình chính sách có cuộc sống vật chất, tinh thần cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo, kịp thời các chính sách giảm nghèo chung như: 12.197 lượt đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi với doanh số cho vay 469.093,79 triệu đồng, nâng tổng dư nợ vay các chính sách lên 2.877.224 triệu đồng; 68 hộ nghèo được xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vay vốn tín dụng ưu đãi; dạy nghề cho 350 lao động là người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK thông qua Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ miễn giảm học phí 42.015 học sinh, sinh viên và hỗ trợ chi phí học tập cho 64.736 học sinh, sinh viên với kinh phí 105.702 triệu đồng; tổ chức trợ giúp pháp lý cho 227 lượt người nghèo, người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 446.443 người nghèo, cận nghèo, DTTS và người sống ở xã ĐBKK, huyện đảo, với kinh phí 151.006 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 39.969 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 12.694 triệu đồng và trợ cấp bảo trợ xã hội cho 84.354 đối tượng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ với kinh phí 191.254 triệu đồng.

Đến nay, có 96 xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Kết quả thực hiện:

Tiếp tục chỉ đạo triển khai tổ chức các hoạt động đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng về giáo dục nghề nghiệp năm 2019 và những năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp học. Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có 100% xã và 14/14 huyện, thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, đạt tỷ lệ 100%. Về kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Có 82/214 trường mầm non, đạt 38,32%; 153/215 trường tiểu học, đạt 71,16%; 118/167 trường THCS, đạt 70,7%; 21/38 trường THPT, đạt 55,26%.

- Khó khăn: Công tác phát triển giáo dục ở nông thôn được quan tâm, tuy nhiên cơ sở vật chất ở nhiều trường còn chưa hoàn chỉnh, thiếu nhiều hạng mục, trong đó có hệ thống cấp nước, nhà vệ sinh, phòng phục vụ học tập, kê cả phòng học... đã ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng dạy và học.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố và phát triển. Ngành y tế đã và đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại. Năng lực các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn cao tại các bệnh viện đã được chú trọng. 100% số trạm y tế xã có bác sĩ, đảm bảo thực hiện khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Đến nay 84,4% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, tăng số giường bệnh/vạn dân lên 27,3 giường. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội đạt 91,59%.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được quan tâm, tiêm chủng mở rộng luôn được chú trọng triển khai. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được thực hiện đầy đủ, kịp thời và cơ bản đạt kết quả tốt. Đến nay, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi đạt 14,3%, 100% số trạm y tế có bác sĩ, số bác sĩ/01 vạn dân là 6,5.

Đến nay, có 121 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Trong thời gian qua, tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, hệ thống các thiết chế văn hóa ở cơ sở từng bước được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở. Đến nay có 97/164 xã có nhà văn hóa đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền và các hoạt động văn hóa ở cơ sở.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

- Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

UBND các xã và các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng và khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sạch tập trung hiện có trên địa bàn để ngày càng phục vụ tốt hơn về nhu cầu dùng nước của Nhân dân ở những vùng hưởng lợi.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh tăng khoảng 9.100 người dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh. Đưa tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng thêm là 0,2%, đạt 91,6% dân số nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Đã tổ chức Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn năm 2019 với gần 100 người dân xã Tịnh Hà và các em học sinh, thầy cô giáo Trường Tiểu học Tịnh Hà tham gia.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp:

Cùng với hộ gia đình, các cấp chính quyền cũng đã quan tâm hơn đến vấn đề vệ sinh môi trường nông thôn, nhiều địa phương ngoài việc thu phí từ hộ dân, đã trích ngân sách để hỗ trợ việc tổ chức thuê công ty môi trường, các đội vệ sinh dịch vụ tổ chức thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, nhờ vậy đến nay tỉ lệ chất thải rắn ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt khoảng 52%.

- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

Hoạt động sản xuất của các làng nghề, ngành nghề nông thôn ở tỉnh phần lớn mang tính tự phát, manh mún, sản xuất theo phương pháp thủ công, truyền thống, theo quy mô hộ gia đình, tập trung ở khu dân cư. Do vậy, tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành tham mưu lập quy hoạch tập trung đưa các làng nghề, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai nhiều hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường như: Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về môi trường, tổ chức các hoạt động về bảo vệ môi trường nhân dịp kỷ niệm “Ngày môi trường thế giới” và “Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn”... tổ chức các hội thi tìm hiểu về chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường.... Ngoài ra, các doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề nông thôn khi chuyển vào các Cụm, Điểm Công nghiệp - Làng nghề đều được kiểm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Khối lượng rác thải ngày càng tăng lên, nhu cầu thu gom và xử lý rác lớn trong khi đó khâu xử lý rác chưa đảm bảo; ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế nên tình trạng vứt rác bừa bãi ra đường, sông suối vẫn còn diễn ra ở nhiều khu dân cư, người dân chưa tự phân loại rác để xử lý; một số địa phương tình trạng các hộ dân chăn nuôi gia súc để phân gia súc chảy tràn ra đường gây ô nhiễm và mất mỹ quan vẫn còn.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

- Đến 30/6/2019 số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cụ thể như sau:

+ Về số lượng: Hiện có 3792 người, trong đó: 1826 cán bộ, chiếm 48,15%, 1966 công chức, chiếm 51,85%.

+ Về chất lượng:

Trình độ văn hóa: THPT 3747 người, chiếm 98,8%; THCS 45 người, chiếm 1,2%.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Sau Đại học 31 người, chiếm 0,8%; đại học 2291 người, chiếm 60,4%; cao đẳng 112 người, chiếm 3,0%; trung cấp 1181 người chiếm 31,1%; sơ cấp 20 người, chiếm 0,5%; chưa qua đào tạo 156 người, chiếm 4,1%.

Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 91 người, chiếm 2,4%; trung cấp 2665 người, chiếm 70,3%; sơ cấp 579 người, chiếm 15,3%; chưa qua đào tạo 457 người, chiếm 12,1%.

Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 81 người, chiếm 2,13%; trung cấp 2.446 người, chiếm 64,44%; sơ cấp 711 người, chiếm 18,73%; chưa qua đào tạo 558 người, chiếm 14,70%.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi: Trong 6 tháng đầu năm 2019 đã tiếp nhận 30.219 hồ sơ (kỳ trước chuyển qua là 1.370 hồ sơ); hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn và trước hạn so với quy định đạt tỷ lệ 95,5%; số hồ sơ đang giải quyết 2.213 hồ sơ. Trong đó: Phối hợp với Bưu điện thực hiện chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu điện 2.082 hồ sơ theo yêu cầu của người dân, tổ chức và tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu điện 1.316 hồ sơ; Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ 5.542 hồ sơ; tiếp nhận 2.319 hồ sơ nộp trực tuyến, tập trung vào: Đăng ký tàu cá, cấp giấy phép khai thác thủy sản, gia hạn giấy phép khai thác thủy sản, chăn nuôi và thú y, cấp đổi phù hiệu xe, lao động việc làm, lý lịch tư pháp, xúc tiến thương mại, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; đối với hồ sơ liên thông: Đã phối hợp với các sở tiếp nhận, chuyển trình UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh 509 hồ sơ.

Trung tâm hành chính công cấp huyện, xã: Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập, hoàn thiện và tổ chức thực hiện Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ (bao gồm Trung tâm hành chính công của 03 huyện, thành phố: Đức Phổ, Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi)

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội:

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững, ổn định. Tổ chức tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của tỉnh. Thực hiện

quyết liệt công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ tai nạn đường bộ.

Hàng năm Đảng ủy các xã có nghị quyết chuyên đề về công tác đảm bảo an ninh trật tự, trường Công an xã tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; lực lượng công an xã được xây dựng và củng cố, phân loại thi đua đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Kiên quyết không để xảy ra: Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng; các hoạt động chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; các hoạt động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự; mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân.

- Kết quả thực hiện xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia:

Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu được giao. Xây dựng đảm bảo số lượng dân quân tự vệ năm 2019. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển.

11. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- UBND tỉnh: Đơn đốc các sở ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh bằng các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công đã giúp đỡ hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến tiêu chí mình phụ trách, đồng thời đã tổ chức làm việc cụ thể với các xã được phân công phụ trách trong năm 2019 để đảm bảo hoàn thành đúng mục tiêu đề ra.

- Với nhiệm vụ là cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động phối hợp với các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong từng nội dung, lĩnh vực, tiêu chí do sở ngành phụ trách để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức làm việc với 25 xã theo kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, qua đó đã đánh giá được tình hình cụ thể thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới tại địa phương trên, những tồn tại, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất những giải pháp và kiến nghị cụ thể để đảm bảo đến cuối năm 2019 hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Đối với UBND các huyện, thành phố:

UBND huyện, thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban liên quan tích cực bám sát cơ sở để kiểm tra các hoạt động chuyên môn, tiến độ thực hiện đầu

tư, nghiệm thu các công trình cơ sở hạ tầng ở cấp xã. Giao Văn phòng nông thôn mới huyện, thành phố thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ UBND, Ban Chỉ đạo các xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Việc theo dõi, thống kê, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ở một số huyện, thành phố còn rất chậm. Số liệu báo cáo chưa cụ thể, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo của cấp tỉnh.

12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình

Năm 2018: 1.488.322 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 363.400 triệu đồng, gồm:

+ Vốn sự nghiệp: 80.400 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư phát triển: 283.000 triệu đồng .

- Vốn địa phương: 638.395 triệu đồng, gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 376.162 triệu đồng

+ Ngân sách huyện, xã: 262.233 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 329.105 triệu đồng.

- Vốn tín dụng: 111.381 triệu đồng.

- Vốn doanh nghiệp: 5.007 triệu đồng.

- Đóng góp của người dân: 41.034 triệu đồng.

(Phụ biểu số 01 kèm theo)

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định.

6 tháng đầu năm 2019: 363.400 triệu đồng, trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 80.400 triệu đồng, đã phân bổ:

+ Quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình: 1.170 triệu đồng.

+ Tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ triển khai thực hiện Chương trình: 2.304 triệu đồng.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ nâng cao thu nhập: 56.600 triệu đồng.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 2.000 triệu đồng.

+ Duy tu, bảo dưỡng các công trình: 15.826 triệu đồng

(Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND

tỉnh)

+ Kinh phí bổ sung năm 2019: Thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 theo Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đã phân bổ: 2.500 triệu đồng

(Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

- Vốn đầu tư phát triển: 283.000 triệu đồng, trong đó:

+ Phân bổ thực hiện các dự án: 240.300 triệu đồng: Phân bổ theo đúng quy định tại Điều 3 Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Bố trí cho tất cả các xã có nhu cầu, trong đó ưu tiên cân đối mức vốn cao hơn cho 14 xã dưới 5 tiêu chí, các xã thuộc huyện nghèo 30a, xã nghèo 135, xã bãi ngang ven biển so với các xã còn lại.

+ Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 42.700 triệu đồng.

(Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Phụ biểu số 02 kèm theo)

c) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực

- Thuận lợi:

Trong điều kiện khó khăn về ngân sách, nhưng cùng với nguồn ngân sách trung ương, tỉnh đã ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện Chương trình.

Đã huy động đa dạng các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác như Chương trình 30a, 135, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo...

Các huyện, xã đã chủ động bố trí ngân sách địa phương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Chương trình được sự đồng thuận cao của người dân nông thôn thông qua việc tham gia hiến đất, công trình, vật kiến trúc để xây dựng đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng trường học, nhà văn hóa.

- Khó khăn:

Nguồn lực địa phương bố trí cho xây dựng nông thôn mới vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của các địa phương; việc huy động vốn trong dân, trong cộng đồng dân cư và của doanh nghiệp cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể, chủ yếu trông chờ vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn với xây dựng nông thôn mới chưa được thực hiện hiệu quả.

Công tác tổng hợp số liệu báo cáo về nguồn vốn: Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác, vốn huy động nhân dân, doanh nghiệp đóng góp, vốn tín dụng của các địa phương chưa đầy đủ và kịp thời, một số địa phương không tổng hợp được nguồn huy động khác gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo.

13. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

a) Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới:

- Đã có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Huyện Nghĩa Hành

- Huyện Tư Nghĩa đang phấn đấu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hiện nay, đoàn thẩm tra tỉnh đã tổ chức thẩm tra đánh giá mức độ đạt các tiêu chí huyện vào ngày 06/6/2019. UBND huyện đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để trình UBND tỉnh họp thảo luận, bỏ phiếu đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các huyện, thành phố, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến 30/6/2019:

- Số xã đạt số tiêu chí theo nhóm:

+ Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): 60 xã, tăng 01 xã (Bình Thanh Tây) so với cuối năm 2018, trong đó 59 xã đã được công nhận đạt chuẩn.

+ Nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí): 19 xã

+ Nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí): 49 xã

+ Nhóm 4 (đạt từ 5 - 9 tiêu chí): 36 xã

+ Nhóm 5 (dưới 5 tiêu chí): Không còn xã dưới 5 tiêu chí

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (11 tiêu chí), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch): 164 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông): 149 xã, Tiêu chí 4 (Điện): 157 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): 145 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm): 144 xã, Tiêu chí 15 (Y tế): 121 xã, Tiêu chí 14 (Giáo dục và Đào tạo): 130 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): 151 xã, Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư): 125 xã, Tiêu chí 16 (Văn hóa): 147 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất): 115 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 121 xã, Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): 110 xã

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (6 tiêu chí) gồm: Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): 96

xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập): 81 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường và An toàn thực phẩm): 84 xã, Tiêu chí 5 (Trường học): 83 xã, Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): 81 xã, Tiêu chí 2 (Giao thông): 83 xã.

- Số tiêu chí bình quân/xã: 13,95 (tăng 0,25 TC so với cuối 2018: 13,70)

(Phụ biểu số 03 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

UBND tỉnh kịp thời: Điều chỉnh Nghị quyết, ban hành các Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

Đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư cho các địa phương đăng ký phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019, tạo điều kiện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra.

Phân công các sở ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các xã, huyện kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới 2019.

Các cơ quan truyền thông đại chúng đã tuyên truyền, phản ánh các sự kiện thời sự, các điển hình tiên tiến về xây dựng nông thôn mới. Các hội đoàn thể cũng thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức khác nhau, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư; các nội dung về văn hóa, xã hội, giáo dục, môi trường từng bước được quan tâm, góp phần làm cho đời sống tinh thần của người dân nông thôn phát triển theo hướng lành mạnh hơn, văn minh hơn; hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường và củng cố; an ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Cán bộ hợp đồng chuyên trách nông thôn mới các huyện, thành phố nghỉ việc theo quy định dẫn đến việc theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương chưa đầy đủ và đảm bảo thời gian quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo cũng như trong tham mưu chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình.

- Nhân sự trong các tổ chức chỉ đạo, điều hành; bộ máy giúp việc, quản lý thực hiện Chương trình các cấp thường xuyên biến động thay đổi làm cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi thực hiện thiếu tính liên tục, kịp thời.

- Các xã càng về sau, càng nhiều khó khăn, nhu cầu đầu tư lớn trong khi vốn trung ương, tỉnh đầu tư cho chương trình vẫn chưa đủ đáp ứng yêu cầu, nguồn lực của các địa phương hạn chế, các nguồn huy động khác như tín dụng, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn của một số sở, ngành còn chậm, chưa tích cực hỗ trợ các xã được phân công phụ trách, phần lớn các sở, ngành chưa thực hiện báo cáo định kỳ.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã chưa kịp thời.

- Kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới của tỉnh đến 30/6/2019 đạt thấp (13,95 tiêu chí/xã) so với bình quân chung của cả nước (khoảng 15,26).

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

Phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ngay trong năm 2019 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 25 xã (lũy kế là 84 xã, kể cả 2 xã kế hoạch năm 2018: Phổ Ninh, Bình Phước và 05 xã bổ sung: Nghĩa Hà, Phổ Cường, Phổ Minh, An Bình, Đức Minh), cụ thể:

- Huyện Bình Sơn: các xã: Bình Khương, Bình Thanh Tây, Bình Thanh, Bình Hiệp và Bình Phước.

- Huyện Sơn Tịnh: các xã: Tịnh Hà, Tịnh Đông, Tịnh Phong.

- Huyện Mộ Đức: các xã: Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Lợi, Đức Minh.

- Huyện Đức Phổ: các xã: Phổ Thạnh, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Cường, Phổ Minh, Phổ Ninh.

- Thành phố Quảng Ngãi: các xã: Tịnh Hòa, Tịnh Ấn Đông, Nghĩa Hà.

- Huyện Minh Long: xã Long Sơn.

- Huyện Sơn Hà: xã Sơn Thành.

- Huyện Lý Sơn: xã An Vĩnh, An Bình.

2. Số tiêu chí bình quân/xã: 15

3. Huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn nông thôn mới.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Các ngành, đơn vị và địa phương tiếp tục công tác tuyên truyền về nội dung cụ thể của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến cán bộ và nhân dân, thay đổi dần ý thức từ thụ động sang tự giác thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của mình. Tiếp tục tổ chức công tác tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp năm 2019.

2. Tập trung chỉ đạo thực hiện để đảm bảo phần đầu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 ngay trong năm 2019 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Đối với các tiêu chí đã đạt các huyện, xã khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định tại Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Các tiêu chí chưa đạt, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành nội dung theo quy định, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công chủ động giúp các xã tháo gỡ khó khăn liên quan đến tiêu chí phụ trách để các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo đúng kế hoạch đề ra.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

4. Về phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo yêu cầu tại Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, xây dựng dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tại các quyết định số: 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014; 33/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 và Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 17/10/2018. Ưu tiên bố trí vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới để thúc đẩy đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã. Các hợp tác xã nông nghiệp không, chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 phải giải thể hoặc chuyển thể hoạt động dưới hình thức khác phù hợp với điều kiện từng nơi, từng vùng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng việc xây dựng các công trình hạ tầng cơ bản tại các xã, thôn gắn với phát triển sản xuất, đời sống hằng ngày của người dân. Mỗi xã, huyện căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu lựa chọn một số hạng mục để tập trung ưu tiên triển khai, tạo chuyển biến đột phá trên phạm vi xã, huyện.

5. Huy động nguồn lực

- Tiếp tục huy động, tận dụng tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện Chương trình, lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội ở cấp xã; Tăng cường các hình thức xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bảo vệ và xử lý môi trường, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nước sạch, văn hóa thể thao.

- Tiếp tục huy động người dân nông thôn đóng góp công sức, tiền của xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trọng tâm là các công trình quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp như đường thôn, ngõ xóm, nhà văn hóa và khu thể thao thôn. Việc huy động sức dân phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương trên cơ sở cộng đồng và người dân bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư Chương trình, tránh để mất vốn, kiên quyết không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

6. Về xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, hỗ trợ thôn xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn 26 thôn thực hiện các nội dung xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu theo Phương án đã được phê duyệt; hồ sơ, thủ tục công nhận Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

Ban hành và thực hiện Kế hoạch hỗ trợ thôn thuộc các xã khó khăn vùng bãi ngang ven biển xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 – 2020.

7. Củng cố, nâng cao chất lượng công tác báo cáo, giám sát, đánh giá đối với chương trình xây dựng nông thôn mới

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình (định kỳ, đột xuất). Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư 05/2017/TT-BNNPTMNT ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kính đề nghị: Chính phủ cần quan tâm có cơ chế hỗ trợ đầu tư cho tiêu chí huyện nông thôn mới để thực hiện các nội dung về cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện...) theo Bộ tiêu chí quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- BCĐ Trung ương Chương trình MTQGXDNTM;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- CPUB: CVP, PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 517).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính

Phụ biểu số 01

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019
	TỔNG SỐ	2.947.062	1.488.322	1.523.473
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	360.900	363.400	
1	Trái phiếu Chính phủ		-	-
2	Đầu tư phát triển	283.000	283.000	-
3	Sự nghiệp	77.900	80.400	
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	576.162	638.395	
1	Tỉnh	376.162	376.162	-
2	Huyện, xã	200.000	262.233	
III	VỐN LÒNG GHÉP	600.000	329.105	270.895
IV	VỐN TÍN DỤNG	1.200.000	111.381	1.088.619
V	VỐN DOANH NGHIỆP	60.000	5.007	54.993
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	150.000	41.034	108.966

Phụ biểu số 02

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	283.000	283.000		
1	Giao thông	106.453	106.452,62		
2	Thủy lợi	38.908	38.908		
3	Điện	3.600	3.600		
4	Trường học	53.364	53.364,38		
5	CSVC Văn hóa	30.360	30.360		
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	1.850	1.850		
7	Trạm y tế xã	310	310		
8	Công trình cung cấp nước sạch	2.000	2.000		
9	Công trình xử lý môi trường	185	185		
10	Khác	45.970	45.970		

Phụ biểu số 03

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ
NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	MỤC TIÊU	Kết quả năm 2018	Kết quả thực hiện đến 30/6/2019	Ước thực hiện đến 30/12/2019	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	13,70	13,95	15	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	8,29	10,01	9,5	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	59	60	80	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	1	4	1	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	3	5	7	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	11	10	9	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	16	11	9	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	5	8	7	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	5	5	6	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	7	9	4	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	14	16	10	
	Số xã đạt 09 tiêu chí	13	8	9	
	Số xã đạt 08 tiêu chí	10	11	10	
	Số xã đạt 07 tiêu chí	13	11	9	
	Số xã đạt 06 tiêu chí	6	5	3	
	Số xã đạt 05 tiêu chí	1	1	0	
	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0	0	

	Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0	0	
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	164	164	164	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	81	83	96	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	115	121	118	
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	154	157	164	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	81	83	90	
	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa	78	81	96	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	150	151	153	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	149	149	154	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	125	125	136	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	81	81	101	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	91	96	102	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	143	144	151	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	108	115	121	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo	130	130	145	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	116	121	124	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	145	147	158	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	84	84	105	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	109	110	125	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	142	145	156	

